

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ COCO CITY
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ COCO CITY

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: COCO CITY INVESTMENT CORPORATION

Tên công ty viết tắt: CTY CP COCC

2. Mã số doanh nghiệp: 1301088031

3. Ngày thành lập: 20/01/2020

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 133A, khu phố 2, Phường Phú Tân, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam

Điện thoại: 0916839967

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
2.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
3.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
4.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
5.	Điều hành tua du lịch	7912
6.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Môi giới bất động sản	6820
7.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
8.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
9.	Xây dựng nhà để ở	4101
10.	Xây dựng nhà không để ở	4102
11.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
12.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
13.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
14.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
15.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
16.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
17.	Xây dựng công trình điện	4221

18.	Xây dựng công trình thủy	4291
19.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
20.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
21.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
22.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
23.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
24.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
25.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
26.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý, môi giới hàng hóa (Không bao gồm đại lý bất động sản; môi giới bất động sản, chứng khoán, bảo hiểm, xuất khẩu lao động và môi giới hôn nhân có yếu tố nước ngoài).	4610
27.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
28.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
29.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
30.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
31.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
32.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
33.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
34.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
35.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao)	9610
36.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ lâm sản và động vật pháp luật cấm kinh doanh)	4620
37.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
38.	Trồng cây hàng năm khác	0119
39.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
40.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
41.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
42.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
43.	Tái chế phế liệu	3830
44.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
45.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
46.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu	9329
47.	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí	9000
48.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
49.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô, xe máy	4543
50.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
51.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530

52.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
53.	Bán buôn thực phẩm	4632
54.	Bán buôn đồ uống	4633
55.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
56.	Phá dỡ	4311
57.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
58.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
59.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
60.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
61.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
62.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
63.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu (trừ dạy về tôn giáo)	8559
64.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
65.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
66.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
67.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
68.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
69.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
70.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
71.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
72.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
73.	Bán mô tô, xe máy	4541
74.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
75.	Cổng thông tin	6312
76.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
77.	Cho thuê xe có động cơ	7710
78.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu	7490
79.	Hoạt động liên quan đến kế toán, kiểm toán và tư vấn về thuế	6920
80.	Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật; trừ hoạt động vận động hành lang)	7020
81.	Giáo dục nhà trẻ	8511
82.	Giáo dục mẫu giáo	8512
83.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810(Chính)

84.	Ghi chú: Doanh nghiệp phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, bảo vệ môi trường và điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện.	Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam
-----	--	--

6. Vốn điều lệ: 20.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	PHẠM NGỌC NGOAN	ấp Phú Đông 1, Xã An Định, Huyện Mỏ Cày Nam, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	100.000	1.000.000.000	5,000	321288568	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	100.000	1.000.000.000	5,000		

2	PHẠM NGỌC NGOÃN	Áp Phú Đông 1, Xã An Định, Huyện Mỏ Cày Nam, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	100.000	1.000.000.000	5,000	321545293	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	100.000	1.000.000.000	5,000		
3	HỒ NHỰT LINH	ấp Phú Thành, Xã Phú Mỹ, Huyện Tân Phước, Tỉnh Tiền Giang, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	1.800.0 00	18.000.000.000	90,000	311716731	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	1.800.0 00	18.000.000.000	90,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: HỒ NHỰT LINH

Giới tính: Nam

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 04/01/1982

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 311716731

Ngày cấp: 20/05/2014

Nơi cấp: Công an Tiền Giang

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *ấp Phú Thành, Xã Phú Mỹ, Huyện Tân Phước, Tỉnh Tiền Giang, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *ấp Phú Thành, Xã Phú Mỹ, Huyện Tân Phước, Tỉnh Tiền Giang, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bến Tre